

Số: 698/2019/QĐST-HNGĐ

Cử Chi, ngày 24 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN  
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các điều 149, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 825/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Số 5/3, đường Bùi Thị N, ấp X, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Số 5/3, đường Bùi Thị N, ấp X, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Cả hai bên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, xét đây là sự tự nguyện của các bên nên chấp nhận.

[2] Xét bà H và ông T cùng thừa nhận có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Gia H1, sinh ngày 14/7/2011. Bà H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H1, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của bà H và ông T nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Các bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nghĩa vụ dân sự chung: Các bên xác định không có nên Tòa án không xem xét.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H với ông Phạm Văn T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 186, quyển số 01/2011 ngày 26 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông T, bà H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Nguyễn Gia H1, sinh ngày 14/7/2011. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con chung có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Các bên xác nhận không có nên Tòa án không xem xét.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Các bên xác định không có nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn T mỗi người chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0022187 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Các bên đã nộp đủ tiền lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã A, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Hà Thị Xuân Lan**